|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐẶNG CÔNG BỈNH**  **TỔ: SỬ- ĐỊA -GDCD** |  |

**MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ KHỐI 6**

**(Từ ngày 11/10/2021 đến ngày 16/10/2021)**

**TUẦN 6 Chủ đề 3: XÃ HỘI CỔ ĐẠI (tt)**

**Nội dung: LƯỠNG HÀ CỔ ĐẠI (Tiếp theo)**

**A. LÝ THUYẾT**

**Bài 7**: 2 tiết. Phần lý thuyết của bài học đã gửi ở tuần 5. Tuần này học sinh dựa vào phần lý thuyết đã gửi và nội dung sách giáo khoa. Hoàn tất phiếu học tập sau:

**B. BÀI TẬP ÁP DỤNG**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC TẬP**

**CÂU 1: Trình bày quá trình thành lập nhà nước Lưỡng Hà cổ đại?**  
*Gợi ý*: *Xem nội dung mục II SGK trang 38.*

*+ Nêu được địa điểm tập trung của các thành thị Lưỡng Hà cổ đại*

*+ Các mốc thời gian trong quá trình thành lập nhà nước Lưỡng Hà cổ đại.*

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**CÂU 3: Hãy kể tên những thành tựu điển hình của văn hóa Lưỡng Hà cổ đại.**  
*Gợi ý: Thống kê các thành tựu theo từng lĩnh vực: Chữ viết và Văn học; Luật pháp; Toán học; Kiến trúc và điêu khắc. Có thể kẻ thành bảng để nhìn cho gọn*

|  |  |
| --- | --- |
| **Lĩnh vực** | **Thành tựu tiêu biểu** |
| **Chữ viết và văn học** |  |
| **Luật pháp** |  |
| **Toán học** |  |
| **Kiến trúc và điêu khắc** |  |

**CÂU 4: Thành tựu nào của người Lưỡng Hà cổ đại có ảnh hưởng đến ngày nay?**  
*Gợi ý: Liên hệ thực tế, chú ý đến phần Toán học*

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**HẾT**

**Nội dung: ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI**

1. **LÝ THUYẾT**
2. **Điều kiện tự nhiên: HS tự đọc** (Giảm tải theo công văn 4040)

* *Vùng Bắc Ấn là đồng bằng sông Ấn và sông Hằng*

*+ Ở lưu vực sông Ấn: khí hậu khô nóng, mưa ít do tác động của sa mạc Thar.*

*+ Ở lưu vực sông Hằng: đất đai màu mỡ hơn, mưa nhiều do sự tác động của gió mùa và không có sa mạc.*

* *Cư dân Ấn Độ cổ đại sinh sống chủ yếu ở lưu vực hai con sông: Sông Hằng và sông Ấn.*
* *Họ làm nông nghiệp, trổng trọt và chăn nuôi.*

1. **Xã hội Ấn Độ cổ đại**:

* Chế độ đẳng cấp dựa trên sự phân biệt về chủng tộc.
* Xã hội được chia thành các đẳng cấp với những điều luật khắt khe:

+ Người khác đẳng cấp không được kết hôn với nhau.

+ Những người thuộc đẳng cấp dưới phải phục tùng người thuộc đẳng cấp trên.

* Đẳng cấp cao nhất: Brahman (Tăng lữ)
* Đẳng cấp thấp nhất: Sudra (những người thấp kém trong xã hội)

1. **Những thành tựu văn hóa tiêu biểu**:
2. **Tôn giáo:** Ấn Độ cổ đại là quê hương của các tôn giáo lớn trên thế giới

+ Đạo Bà La Môn

+ Đạo Hin – đu

+ Đạo Phật

1. **Chữ viết và văn học**:

* Người Ấn Độ đã có chữ viết từ sớm. Đó là chữ Phạn
* Hai bộ sử thi nổi tiếng:

+ Ramayana

**+** Mahabharata

1. Khoa học tự nhiên

* Toán học: là thành tựu nổi bật. Người Ấn Độ cổ đại đã phát minh ra các số từ 0 đến 9.
* Y học: Biết sử dụng thuốc tê, thuốc mê trong phẫu thuật. Dùng thảo mộc trong chữa bệnh

1. Kiến trúc và điêu khắc: Các công trình kiến trúc kì vĩ, chủ yếu là kiến trúc tôn giáo
2. **BÀI TẬP ÁP DỤNG:** Xem và tập trả lời trước các câu hỏi trong phần Luyện tập và Vận dụng trang 45. Đến tuần 7 Giáo viên sẽ giao bài tập và hướng dẫn trả lời

**C. DẶN DÒ**

- Học thuộc lý thuyết **: ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI**

- Xem và tập trả lời trước các câu hỏi trong phần Luyện tập và Vận dụng trang 45. Tuần 7 Giáo viên sẽ giao bài tập và hướng dẫn trả lời.

- Xem trước **nội dung: TRUNG QUỐC TỪ THỜI CỔ ĐẠI ĐẾN THẾ KỈ VII**

\* Phân môn địa lí

**HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN ĐỊA LÝ KHỐI 6**

**TUẦN 6 ( 11/10 – 17/10/2021)**

**I. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**TIẾT 6 BÀI 3: TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ ( tiết 1)**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG HỌC TẬP** | **GHI CHÚ** |
| **TIẾT 6 BÀI 3: TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ** | - Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ |

**Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu sau:**

**I. Phương hướng trên bản đồ**

**? *Quan sát hình 3.1, em hãy nêu tên các hướng chính và hướng*** ***trung gian?***

**II. Tỉ lệ bản đồ**

***Quan sát hình 3.4 và thông tin trong bài, hãy:***

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** |
| ***1. Cho biết tỉ lệ bản đồ cho ta biết điều gì? Có mấy loại tỉ lệ bản đồ? Hãy kể tên và cho ví dụ?***  ……………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………… |
| ***2. Cho biết Bản đồ hình 3.4 có tỉ lệ bao nhiêu? Nêu ý nghĩa của tỉ lệ đó.***  ……………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………… |
| ***3. Nêu các bước tính khoảng cách thực tế giữa 2 địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ?***  ……………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………… |
| ***4. Tính khoảng cách trên thực địa giữa A và B với tỉ lệ bản đồ là 1: 25.000, độ dài đo được giữa A và B là 2 cm.***  ……………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………… |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** |
| ***1. Cho biết tỉ lệ bản đồ cho ta biết điều gì? Có mấy loại tỉ lệ bản đồ? Hãy kể tên và cho ví dụ?***  .- Ý nghĩa: tỉ lệ bản đồ cho biết mức độ thu nhỏ của khoảng cách trên bản đồ so với khoảng cách trên thực địa.  **-** Có 2 loại tỉ lệ bản đồ:  + Tỉ lệ số.  Ví dụ: tỉ lệ 1: 10.000, có nghĩa với 1 cm đo được trên bản đồ sẽ bằng 10.000 cm (hay 10 m)  + Tỉ lệ thước. |
| *2. Cho biết Bản đồ hình 3.4 có tỉ lệ bao nhiêu? Nêu ý nghĩa của tỉ lệ đó.*  - Bản đồ có tỉ lệ là 1: 10000  - Ý nghĩa của tỉ lệ đó là: 1 cm trên bản đồ bằng 10000 cm ngoài thực tế. |
| ***3. Nêu các bước tính khoảng cách thực tế giữa 2 địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ?***  - Để tính khoảng cách trên thực địa dựa vào tỉ lệ bản đồ, chúng ta cần:  + Đo khoảng cách giữa hai điểm trên tờ bản đó bằng thước kẻ.  + Đọc độ dài đoạn vừa đo trên thước kẻ.  + Dựa vào tỉ lệ bản đồ để tính khoảng cách trên thực địa. |
| ***4. Tính khoảng cách trên thực địa giữa A và B với tỉ lệ bản đồ là 1: 25.000, độ dài đo được giữa A và B là 2 cm.***  - Tỉ lệ bản đồ là 1: 25.000, độ dài đo được giữa A và B là 2 cm, ta lấy 2 cm \* 25.000 = 50.000 cm (hay 50m) |

**II. NỘI DUNG TRỌNG TÂM ( ghi bài và học thuộc)**

**TIẾT 6 BÀI 3: TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ**

**I. Phương hướng trên bản đồ**



- Xác định phương hướng trên bản đồ cần phải dựa vào các đường kinh tuyến, vĩ tuyến.

- Các hướng chính trên bản đồ là Bắc, Nam, Đông, Tây

- Các hướng trung gian là Đông Bắc, Tây Bắc, Đông Nam, Tây Nam.

- Cách xác định phương hướng trên bản đồ:

+ Với các bản đồ có hệ thống các đường kinh tuyến, vĩ tuyến :

- Lấy phần chính giữa bản đồ là trung tâm

- Đầu phía trên các đường kinh tuyến chỉ hướng Bắc, đầu phía dưới các đường kinh tuyến chỉ hướng Nam.

- Đầu bên phải các đường vĩ tuyến chỉ hướng Đông, đầu bên trái các đường vĩ tuyến chỉ hướng Tây.

+ Với các bản đồ không vẽ kinh tuyến, vĩ tuyến: phải dựa vào kim chỉ nam hoặc mũi tên chỉ hướng Bắc để xác định hướng Bắc , sau đó tìm các hướng còn lại.

**II. Tỉ lệ bản đồ**

.- Ý nghĩa: tỉ lệ bản đồ cho biết mức độ thu nhỏ của khoảng cách trên bản đồ so với khoảng cách trên thực địa.

- Để thể hiện lệ bản đồ người ta dùng tỉ lệ số và tỉ lệ thước.

- Để tính khoảng cách trên thực địa dựa vào tỉ lệ bản đồ, chúng ta cần:

+ Đo khoảng cách giữa hai điểm trên tờ bản đó bằng thước kẻ.

+ Đọc độ dài đoạn vừa đo trên thước kẻ.

+ Dựa vào tỉ lệ bản đồ để tính khoảng cách trên thực địa.